

Số **42** /2014/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày **30** tháng 12 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hoà Bình**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2255 /TTr-SNV ngày 09 tháng 12 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đơn vị TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Đăng Công báo;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (1 ~~50b~~)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

**QUY CHẾ**

**Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 42 /2014/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc tổ chức phong trào thi đua yêu nước và thực hiện công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Quy định nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng; hành vi vi phạm, xử lý hành vi vi phạm; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng thi đua: Công dân Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, nghề nghiệp; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh, các tổ chức và cá nhân ngoài tỉnh; các tổ chức và cá nhân thuộc các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài; cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

2. Đối tượng khen thưởng: Các đối tượng quy định tại khoản 1 điều này, có nhiều thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh thì được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy chế này.

**Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

1. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong khen thưởng; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

b) Việc xét tặng các hình thức khen thưởng phải căn cứ vào công trạng, thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất và thành tích xuất sắc trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc; thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề; thành tích xuất sắc, tiêu biểu góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và phong trào thi đua của tỉnh.

c) Xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, lĩnh vực công tác được giao phải căn cứ vào thành tích của tập thể, lĩnh vực công tác do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo.

d) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình công hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì ưu tiên lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng hoặc tập thể có tỷ lệ nữ cao hơn để xét khen thưởng.

e) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước. Đối với khen thưởng cấp nhà nước (Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương) quy định thời gian đủ 5 năm, hay 10 năm trở lên để làm mốc thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo.

f) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc; trong khen chuyên đề một năm chỉ đề nghị cấp tỉnh khen thưởng một lần cho tập thể, và cá nhân.

g) Khi tiến hành sơ, tổng kết phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề hoặc các phong trào thi đua gắn với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu của tỉnh; các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh... phải bám sát vào kế hoạch, nội dung, tiêu chí thi đua, tiêu chuẩn khen thưởng và chủ yếu thực hiện hình thức khen thưởng theo thẩm quyền ở cấp phát động thi đua (Giấy khen). Sơ, tổng kết phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm, 05 năm hoặc 10 năm trở lên, đơn vị chủ trì phát động thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng nhưng chủ yếu khen thưởng cho đối tượng trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, công nhân, nông dân là chính.

Trường hợp tổng kết phong trào thi đua trong phạm vi toàn quốc, phạm vi trong tỉnh có thành tích đặc biệt xuất sắc thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

h) Không khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể hoặc cá nhân khi tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn.

i) Không đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các tập thể hoặc cá nhân khi sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các tổ chức hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc nhân dịp Đại hội theo nhiệm kỳ, phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn... (trừ Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến, gương Người tốt – Việc tốt).

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn tỉnh.

2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong phạm vi mình quản lý. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tư vấn giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức phát động các phong trào thi đua trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế. Phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

## Chương II

# TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

### Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, cả năm nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

a) Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi cấp tỉnh; phạm vi sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, nghề nghiệp; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh (Gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương).

b) Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề phạm vi cấp tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua và các văn bản có liên quan về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng cấp nhà nước.

### Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị; đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công việc, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân. Coi trọng việc tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của từng đợt thi đua, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua.

3. Xây dựng kế hoạch thi đua, xác định chỉ tiêu và thời gian thi đua phải trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao. Chỉ tiêu phấn đấu phải cao hơn chỉ tiêu được giao; thời hạn hoàn thành phải sớm hơn thời hạn quy định.

4. Xác định biện pháp tổ chức phát động phong trào thi đua và đăng ký giao ước thi đua giữa các khối, giữa các tập thể với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình... trong từng địa phương, đơn vị. Tuyên truyền nâng cao nhận thức ý nghĩa của công tác thi đua; tính tự giác, tinh thần trách nhiệm của mọi người tham gia, chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

5. Phối hợp giữa chính quyền với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, vận động thi đua và theo dõi quá trình thực hiện.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thi đua; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, lĩnh vực công tác được giao trong việc tổ chức chỉ đạo điểm, phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

7. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, đánh giá kết quả thi đua (đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt) để rút kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các đối tượng tham gia thi đua; lựa chọn và công khai biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

#### **Điều 7. Các danh hiệu thi đua**

1. Đối với cá nhân: Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh; Chiến sỹ thi đua cơ sở; Lao động tiên tiến; Chiến sỹ tiên tiến (đối với lực lượng vũ trang nhân dân).

2. Đối với tập thể: Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc; Tập thể Lao động tiên tiến; Đơn vị Quyết thắng và Đơn vị tiên tiến (đối với lực lượng vũ trang nhân dân); thôn, làng, bản, tổ dân phố văn hoá và tương đương.

3. Đối với hộ gia đình: Gia đình văn hoá.

#### **Điều 8. Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc**

Xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 21, Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 1, 2, 4 Điều 3, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ:

1. Đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở.

2. Có đề tài nghiên cứu khoa học hoặc công trình nghiên cứu cấp tỉnh hoặc cấp nhà nước; sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác

nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả cao. Đề tài, giải pháp, công trình nghiên cứu đã được nghiệm thu, tổng kết, áp dụng có hiệu quả; giải pháp kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đã được cấp tỉnh công nhận và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Hội đồng cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học; sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của cá nhân.

3. Đối với cá nhân người đứng đầu các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường.

4. Thời điểm xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ hai.

5. Tỷ lệ phiếu đồng ý trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng đạt tỷ lệ từ 90% trở lên.

#### **Điều 9. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh**

Xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 22, Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; khoản 1, Điều 14, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ:

1. Đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân đã có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của cá nhân đó phải có tác dụng ảnh hưởng, nêu gương trong phạm vi ngành, lĩnh vực và toàn tỉnh được Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận.

3. Đối với cá nhân người đứng đầu các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường.

4. Tỷ lệ số phiếu đồng ý trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng do Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh quy định.

#### **Điều 10. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở**

Xét tặng hàng năm cho cá nhân tiêu biểu, xuất sắc đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 23, Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 4, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ

1. Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”; Tỷ lệ cá nhân xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Có đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

3. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

4. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

5. Khi xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng phải tiến hành bỏ phiếu kín. Tỷ lệ % số phiếu đồng ý trên tổng số thành viên Hội đồng do Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cùng cấp quy định.

#### **Điều 11. Danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến**

Xét tặng cho các đối tượng đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 24, Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 5, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ:

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

4. Ngoài các quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, cá nhân đề nghị xét, tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

d) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

e) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

## **Điều 12. Cờ thi đua của Chính phủ**

Xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 25 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 6, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ:

1. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong tổng số tập thể đã được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

2. Đạt thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

3. Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập;

4. Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

5. Tổ chức đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh. Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp

thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường.

6. Được bình chọn, suy tôn là tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá vào dịp tổng kết 5 năm trở lên; là tập thể tiêu biểu được Khối thi đua của tỉnh bình chọn, suy tôn là cơ quan, đơn vị dẫn đầu, tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua của tỉnh hàng năm. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

### **Điều 13. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Đối tượng: Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm cho:

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các tổ chức hội cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp; các huyện, thành phố trong tỉnh, các doanh nghiệp, các Hợp tác xã tiêu biểu xuất sắc, được suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của các Khối thi đua trong tỉnh;

b) Các phòng, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức hội các huyện, thành phố dẫn đầu các mặt công tác chuyên ngành;

c) Các đơn vị tiêu biểu dẫn đầu các phong trào thi đua thực hiện các mục tiêu chuyên ngành;

d) Các xã, phường, thị trấn tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua của các huyện, thành phố.

e) Các doanh nghiệp, hợp tác xã tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế tập thể.

f) Các huyện, thành phố; các xã, thôn, bản, làng, khu dân cư tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

### **2. Tiêu chuẩn**

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao; là tập thể tiêu biểu, xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, không để xảy ra lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. Tổ chức đảng đạt trong sạch vững mạnh các đoàn thể đạt vững mạnh.

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường.

3. Việc xét tặng đơn vị tiêu biểu, xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh thông qua chấm điểm, bình xét, suy tôn của các Khối thi đua, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

## **Điều 14. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng**

1. Đối tượng xét tặng thực hiện theo khoản 2, Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng cho các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức hội cấp tỉnh; các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể; các phòng, ban của đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương;

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng cho cơ quan Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các ban Đảng, Mặt trận, đoàn thể cấp huyện và tương đương; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và trạm Y tế xã, phường, thị trấn;

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp: Xét tặng cho các trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng;

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế: Xét tặng cho doanh nghiệp, Hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như: Xí nghiệp, phân xưởng, phòng và tương đương;

e) Đối với Lực lượng vũ trang được xét tặng cho các tập thể: Ban Công an xã, phường, thị trấn; Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn và tương đương.

“Thẩm quyền công nhận danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể Lao động xuất sắc” trong Quân đội nhân dân do Chính phủ quy định” theo Điều 79 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện danh hiệu và tiêu chuẩn thi đua đối với tập thể, cá nhân trong lực lượng dân quân tự vệ, bảo vệ dân phố, Công an xã, thị trấn” theo quy định tại khoản 3, Điều 11 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

2. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và đạt được các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có từ 70% cá nhân trở lên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; (Riêng đối với cơ quan UBND cấp xã thì tỷ lệ % cá nhân hoàn thành nhiệm vụ và lao động tiên tiến được tính trên tổng số cán bộ, công chức cấp xã);

d) Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

f) Tổ chức đảng đạt trong sạch vững mạnh; các đoàn thể đạt vững mạnh (nếu có). Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường.

g) Số lượng tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc không quá 20% tổng số tập thể được tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

3. Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu Đơn vị tiên tiến; đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến. Không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; không có cá nhân vi phạm an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng.

4. Ngoài các quy định tại khoản 2 Điều này các tập thể đã được tặng Cờ Thi đua xuất sắc tại các điểm a, b, c, d, e, khoản 1, Điều 13 Quy chế này và các xã, phường, thị trấn (thuộc đối tượng được xét tặng danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc) đã được tặng Cờ Thi đua xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua, được tặng giải Nhì, Ba kèm theo Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thì được đánh giá là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

### **Điều 15. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến**

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến thực hiện theo khoản 1, Điều 14 Quy chế này.

#### **2. Tiêu chuẩn**

a) Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. (Riêng đối với cơ quan UBND cấp xã tỷ lệ % lao động tiên tiến được tính trên tổng số cán bộ, công chức cấp xã);

- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Tổ chức đảng trong sạch vững mạnh; các đoàn thể vững mạnh (nếu có).

b) Danh hiệu Đơn vị tiên tiến được xét tặng cho tập thể thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn tại điểm a, khoản 2 Điều này, có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; không có cá nhân vi phạm an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng.

## **Điều 16. Danh hiệu gia đình văn hoá; thôn (làng, bản, tổ dân phố) văn hoá**

Danh hiệu gia đình văn hoá; thôn (làng, bản, tổ dân phố) văn hoá được xét tặng hàng năm theo quy định tại Điều 29, 30 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; Điều 18 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

### **Chương III**

## **HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG, DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC, HUY HIỆU CỦA TỈNH**

### **Điều 17. Huân chương Sao vàng**

1. "Huân chương Sao vàng" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân quy định tại Điều 34 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; khoản 1, 2 Điều 20 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc;

b) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. "Huân chương Sao vàng" để tặng cho tập thể bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 7, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng "Huân chương Hồ Chí Minh", 25 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập.

b) Có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

### **Điều 18. Huân chương Hồ Chí Minh**

1. "Huân chương Hồ Chí Minh" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân quy định tại Điều 35 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; khoản 1 Điều 21 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ: Có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. "Huân chương Hồ Chí Minh" để tặng để tặng cho tập thể bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Điều 35 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật

Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 8, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất hoặc “Huân chương Quân công” hạng Nhất, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập.

b) Có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

c) Tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ nhất và 15 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh thì được xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ hai.

### **Điều 19. Huân chương Độc lập hạng Nhất**

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 1, 2 Điều 9, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng cho tập thể quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 3 Điều 9, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Nhì, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 04 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 04 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

3. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng cho người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận, đề nghị.

### **Điều 20. Huân chương Độc lập hạng Nhì**

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung

một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 1, 2 Điều 10, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có quá trình công hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

b) Lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho tập thể quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 3 Điều 10, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Ba, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

3. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể nước ngoài có thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận, đề nghị.

#### **Điều 21. Huân chương Độc lập hạng Ba**

1. “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 1, 2 Điều 11, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có quá trình công hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

b) Lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng cho tập thể quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 3 Điều 11, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhất, 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

3. “Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng cho người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể nước ngoài có thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận, đề nghị.

## **Điều 22. Huân chương Lao động hạng Nhất**

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 42 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 1, 2, 3 Điều 15, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có quá trình cống hiến lâu dài, liên tục trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước;

c) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc, trong thời gian đó có 04 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 42 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 2 Điều 15, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm b hoặc c khoản 1 Điều này;

b) Có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương công nhận.

- Công nhân có 07 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

- Nông dân có phát minh, sáng chế, sáng kiến hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 07 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

4. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận, đề nghị.

#### **Điều 23. Huân chương Lao động hạng Nhì**

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 1, 2, 3 Điều 16, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có quá trình cống hiến lâu dài, liên tục trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong thời gian đó có 03 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 43 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 2 Điều 16, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm b hoặc c khoản 1 Điều này;

b) Có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp tinh công nhận.

- Công nhân có 05 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

- Nông dân có phát minh, sáng chế, sáng kiến hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 05 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

4. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận, đề nghị.

#### **Điều 24. Huân chương Lao động hạng Ba**

1. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 1, 2, 3 Điều 17, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có quá trình cống hiến lâu dài, liên tục trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có công trình khoa học, nghệ thuật, có sáng kiến, giải pháp, đề tài khoa học được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp bộ, cấp tỉnh đánh giá xuất sắc, được ứng dụng vào thực tiễn, đem lại hiệu quả cao, thiết thực;

c) Đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 05 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

2. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 44 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; khoản 2 Điều 17, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm b hoặc c khoản 1 Điều này;

b) Có sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp huyện công nhận.

- Công nhân có 03 sáng kiến mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

- Nông dân có sáng kiến hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 03 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Có quá trình xây dựng và phát triển 10 năm trở lên, đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương hoặc 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và 02 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

4. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận, đề nghị.

#### **Điều 25. Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Huân chương dũng cảm**

1. “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 49 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005: Có quá trình cống hiến, có công lao to lớn, thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

2. “Huân chương Dũng cảm” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân Điều 49 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi

đua, Khen thưởng năm 2005: có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân.

## **Điều 26. Các danh hiệu vinh dự Nhà nước**

1. Danh hiệu “Tinh Anh hùng” thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc và toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Năng động, sáng tạo, xứng đáng là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, là động lực thúc đẩy sự phát triển của khu vực và cả nước trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

c) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tinh, thành phố và các đoàn thể vững mạnh.

d) Đã được tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” và danh hiệu “Anh hùng Lao động”.

2. Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” để tặng hoặc truy tặng cho những Bà mẹ có nhiều công hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế theo quy định tại Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 29 tháng 8 năm 1994; Điều 59 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; Điều 42 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH ngày 10/10/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Những bà mẹ đã được tuyên dương danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” mà đạt được điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 59 của Luật Thi đua, Khen thưởng thì vẫn được tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”.

## **Điều 27. Danh hiệu Anh hùng Lao động**

1. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại khoản 1, Điều 61 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có tinh thần lao động sáng tạo, đạt năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đơn vị, địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên, được tập thể suy tôn;

c) Có nhiều thành tích trong công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, có sáng kiến, giải pháp, công trình nghiên cứu khoa học, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị đặc biệt mang lại hiệu quả cao trong phạm vi toàn quốc;

d) Có công lớn trong việc bồi dưỡng, đào tạo cho đồng nghiệp và thế hệ trẻ, trong việc hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh;

e) Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực, vượt khó, tận tụy với công việc; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng cho tập thể theo quy định tại khoản 2, Điều 61 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Là tập thể tiêu biểu dẫn đầu toàn quốc về năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên;

c) Dẫn đầu toàn quốc trong việc đổi mới công nghệ, có nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và bảo vệ môi trường sinh thái;

d) Dẫn đầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ về mọi mặt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; là điển hình về công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để các tập thể khác noi theo;

e) Dẫn đầu trong việc triển khai và thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tốt quyền lợi của người lao động, quản lý tốt nguồn vốn, tài sản, bảo đảm tuyệt đối an toàn về người và tài sản;

f) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt được nhân dân địa phương ca ngợi; tập thể đoàn kết, nhất trí; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

3. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” 5 năm xét một lần, trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

**Điều 28. Các danh hiệu: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước và các danh hiệu vinh dự nhà nước khác**

Thực hiện theo các điều khoản của Luật Thi đua, khen thưởng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, ngày 15/4/2010 của Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật các Bộ, ngành Trung ương và hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

**Điều 29. Huy hiệu**

1. Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

2. Tên Huy hiệu, đối tượng, tiêu chuẩn tặng Huy hiệu do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định; UBND tỉnh quyết định ban hành Quy chế xét tặng sau khi đăng ký với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

**Điều 30. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ**

1. Tặng cho cá nhân theo quy định tại khoản 1, Điều 71 Luật Thi đua, khen thưởng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và khoản 1, 2 Điều 23, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được 05 lần tặng giấy khen trở lên.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b) Công nhân có từ 02 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, thành tích có phạm vi ảnh hưởng, tác dụng nêu gương học tập trong doanh nghiệp, khu công nghiệp và tương đương;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp huyện.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể theo quy định tại khoản 2, Điều 71 Luật Thi đua, khen thưởng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và khoản 3, Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho gia đình khoản 4, Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

### **Điều 31. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân sau:

a) Tặng cho cá nhân có thành tích mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương Người tốt - Việc tốt; tập thể, cá nhân đạt giải nhất trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia; cấp tỉnh.

b) Tặng cho giáo viên trực tiếp bồi dưỡng đội tuyển và học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực quốc tế và quốc tế; tặng cho đội tuyển, vận động viên và Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển, vận động viên đoạt giải Vàng, bạc, đồng trong các kỳ thi cấp quốc gia, khu vực quốc tế và quốc tế. Ngoài ra còn được thưởng theo cơ chế riêng do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Tặng cho các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có nhiều thành tích xuất sắc góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và phong trào thi đua của tỉnh;

d) Tặng cho các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh; tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

e) Tặng cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đạt danh hiệu Doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu tỉnh Hòa Bình.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân (*Khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt*):

Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; cải cách hành chính; phong trào thi đua gắn với thực hiện các chương trình mục tiêu, các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, của Chính phủ, của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các đợt thi đua của tỉnh. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua giai đoạn từ 3 năm, 5 năm, 10 năm trở lên được Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng tối đa cho 10 tập thể, 20 cá nhân tiêu biểu xuất sắc; đối với chuyên đề thi đua ngắn hạn trong 1 năm thì Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng tối đa cho 05 tập thể, 10 cá nhân tiêu biểu có tác dụng nêu gương học tập trong phạm vi của tỉnh (*tỷ lệ 70% cá nhân tiêu biểu, trực tiếp tham mưu, lao động, sản xuất; 30% đối với cán bộ lãnh đạo quản lý*).

3. Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (*Khen thưởng thường xuyên*) cho các tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động; đạt giải Nhất, Ba các Khối Thi đua của tỉnh, các mặt công tác, các mục tiêu chuyên ngành; các xã, phường, thị trấn và các doanh nghiệp, hợp tác xã tiêu biểu, xuất sắc; các đơn vị, địa phương xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (*Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới có cơ chế thưởng riêng do Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh xem xét, quyết định hàng năm*).

b) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ, tích cực hưởng ứng và tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng; tích cực tham gia các hoạt động xã hội; Tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh; các đoàn thể vững mạnh.

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường.

c) Ngoài các quy định tại khoản 3, Điều này, hàng năm, Chủ tịch UBND tỉnh tặng giải thưởng kèm theo Bằng khen cho các đơn vị đạt giải Nhất, Nhì, Ba toàn diện phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội (*có cơ chế thưởng riêng do Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh xem xét, quyết định hàng năm*).

4. Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (*Khen thưởng thường xuyên*) cho các cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực công tác của tỉnh;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở. Nếu là đảng viên hàng năm phải được phân loại đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đối với người đứng đầu các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường.

5. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng, có tác dụng nêu gương học tập trong địa bàn cấp xã trở lên;

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích được Hội đồng sáng kiến cơ sở công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, thành tích có phạm vi ảnh hưởng, tác dụng nêu gương học tập trong doanh nghiệp và tương đương;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân giảm nghèo bền vững và tạo việc làm cho người lao động, thành tích có phạm vi ảnh hưởng, tác dụng nêu gương học tập trong cấp xã.

6. Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hàng năm cho các Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có phạm vi ảnh hưởng, tác dụng nêu gương học tập trong cộng đồng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị 50 triệu đồng trở lên.

b) Có thu nhập từ 500 triệu đồng trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân giảm nghèo bền vững và tạo việc làm cho người lao động.

c) Việc thẩm định, đánh giá mức độ đóng góp và thu nhập của Hộ gia đình do Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện trên cơ sở đánh giá giới thiệu của Chi bộ, Mặt trận, các đoàn thể và được Hội nghị nhân dân cấp thôn, bản, làng, khu dân cư thống nhất đề nghị.

### **Điều 32. Giấy khen**

Giấy khen của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; Chủ nhiệm hợp tác xã; Hiệu trưởng các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân để tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc

tốt; có thành tích cao trong các đợt thi đua ngắn ngày, tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị (khen thưởng đột xuất). Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau (khen thưởng thường xuyên):

1. Đối với tập thể:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (*Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường*).

2. Đối với cá nhân:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nếu là đảng viên phải được phân loại đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 Điều này, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế quy định mức đóng góp của gia đình để tặng Giấy khen cho Hội gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

## Chương IV

### THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

**Điều 33. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng, truyền trình đề nghị khen thưởng các danh hiệu và các hình thức khen thưởng**

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc

phạm vi quản lý; có trách nhiệm phát hiện, xây dựng điển hình tiên tiến là công nhân, nông dân, người lao động ở các thành phần kinh tế để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

2. Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định tặng thưởng Cờ thi đua của UBND tỉnh; giải thưởng nhất, nhì, ba phong trào thi đua; Bằng khen; danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các tổ chức hội và tương đương tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, tặng Giấy khen và trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Tập thể Lao động tiên tiến, tặng Giấy khen; danh hiệu thôn, làng, bản, tổ dân phố văn hóa và tương đương; Trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến, Giấy khen đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã; danh hiệu Gia đình văn hóa và lựa chọn những gia đình tiêu biểu trong số các gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" để thưởng tiền theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Trình Chủ tịch UBND cấp huyện tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở và danh hiệu thôn, làng, bản, tổ dân phố văn hóa.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, Chủ nhiệm Hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Tập thể Lao động tiên tiến" và Giấy khen, trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

7. Đối với tập thể, cá nhân thuộc Ban quản lý khu công nghiệp và tập thể, cá nhân, doanh nghiệp trong các Khu Công nghiệp thực hiện như sau:

a) Trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp xem xét, quyết định tặng thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở và Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc Ban Quản lý khu công nghiệp. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trong khu công nghiệp quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Tập thể Lao động tiên tiến" và Giấy khen theo quy định tại khoản 6 Điều này và khoản 4, Điều 80 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

Hoặc đề nghị Trưởng Ban Quản lý các Khu Công nghiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

8. Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

9. Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

10. Đối với tổ chức công đoàn

a) Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức tỉnh; công đoàn các khu công nghiệp; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

b) Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho: các phòng, ban thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh; cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc Liên đoàn lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức tỉnh; công đoàn các khu công nghiệp; công đoàn cơ sở (trừ đối tượng quy định tại điểm a, khoản này là cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh).

#### **Điều 34. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng**

1. Thường trực Tỉnh uỷ xét duyệt, cho ý kiến về việc đề nghị xét tặng Huân chương các loại, Huy chương, các danh hiệu vinh dự nhà nước, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc trước khi trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền cho các đối tượng trên cơ sở hồ sơ đề nghị của các cơ quan, đơn vị; giao Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm, thẩm định, tổng hợp danh sách trình Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng gồm: Danh hiệu Anh hùng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh; Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; các giải thưởng tổng kết các phong trào thi đua của tỉnh; Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương các loại.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng để trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét theo quy định tại mục 3 điều này; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng các trường hợp thuộc thẩm quyền, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định của pháp luật.

5. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, thẩm định, xem xét, hồ sơ tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến hiệp ý các trường hợp khen thưởng do các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đề nghị.

### **Điều 35. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng**

1. Thủ tục, hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước thực hiện theo các điều từ Điều 53 đến Điều 65, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Điều 1, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ và Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Riêng hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động cho cán bộ có quá trình cống hiến qua các giai đoạn cách mạng, gồm: Tờ trình kèm theo danh sách trích ngang cán bộ được đề nghị khen thưởng, bản tóm tắt quá trình công tác, thời gian giữ chức vụ, các hình thức khen thưởng và kỷ luật của cá nhân đề nghị khen thưởng.

2. Thủ tục, hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của UBND tỉnh:

a) Hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 9, Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ, gồm 01 bộ bản chính:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị cấp trình khen hoặc Trường khối thi đua trình khen;
- Báo cáo thành tích có xác nhận của cấp trình khen;
- Bảng tổng hợp chấm điểm các chỉ tiêu thi đua, xếp loại thi đua;
- Biên bản họp xét đề nghị khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị hoặc Khối thi đua trình khen;

b) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 84 Luật Thi đua, Khen thưởng và khoản 8, Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ, gồm 01 bộ bản chính:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị;
- Biên bản họp xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị trình khen;
- Báo cáo thành tích có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng;
- Bản phô tô các quyết định công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở 3 năm liên tục liên kề; quyết định công nhận đề tài, giải pháp, sáng kiến của Hội đồng khoa học, Hội đồng giải pháp, sáng kiến cấp tỉnh và các tài liệu có liên quan.

c) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 84 Luật Thi đua, Khen thưởng và khoản 8, Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ, gồm 01 bộ bản chính:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen;
- Biên bản họp xét đề nghị khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị trình;
- Bản phô tô các quyết định công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và các tài liệu có liên quan.

d) Hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ, 01 bộ bản chính:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen;
- Biên bản họp xét đề nghị khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị trình;
- Bản phô tô các quyết định công nhận hoặc chứng nhận sáng kiến và các tài liệu có liên quan.

e) Thủ tục đơn giản (Khen thưởng đột xuất)

- Các trường hợp được xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo Điều 85 Luật Thi đua, Khen thưởng;
- Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xét và đề nghị cấp trên khen thưởng ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, đột xuất;
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo quy định tại khoản 20, Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ gồm có: Tờ trình đề nghị của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố; bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

3. Thủ tục, hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8, Điều 1 Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị;
- Biên bản họp xét đề nghị khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị trình khen;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng, có xác nhận của đơn vị trình khen;
- Bản phô tô Quyết định công nhận hoặc chứng nhận Đề tài, sáng kiến; quyết định các hình thức khen thưởng có liên quan kèm theo.
- Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm 04 bộ bản chính; Hồ sơ trình Chủ tịch nước khen thưởng gồm 05 bộ bản chính.

**Điều 36. Quy định thời gian nộp báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; Bản đăng ký giao ước thi đua; Hồ sơ đề nghị khen thưởng**

1. Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng gửi về Sở Nội vụ trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

2. Bản đăng ký giao ước thi đua của các cơ quan, đơn vị, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 20 tháng 02 hàng năm; các Khối Thi đua của tỉnh ký giao ước thi đua, đăng ký thi đua trước ngày 15/3 hằng năm.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ theo nội dung và thời gian sau:

a) Hồ sơ khen thưởng tổng kết công tác năm gửi về Sở Nội vụ chậm nhất ngày 05 tháng 01 hàng năm.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh gửi chậm nhất ngày 20 tháng 02 hằng năm, Ban Thi Đua - Khen thưởng tỉnh trình UBND tỉnh trước ngày 30 tháng 4 hằng năm.

c) Hồ sơ khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu, khen thưởng chuyên đề trình UBND tỉnh trước ngày trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc; trường hợp khen thưởng đột xuất trước 05 ngày làm việc; trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

d) Hồ sơ khen thưởng khối Giáo dục - Đào tạo (các trường tính theo năm học) gửi bản đăng ký giao ước thi đua trước ngày 30 tháng 9 hàng năm. Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và hồ sơ đề nghị khen thưởng năm học gửi về Sở Nội vụ trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

4. Đối với khen cao (Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại): Hằng năm trình về Sở Nội vụ trước ngày 10 tháng 3; Ban Thi Đua - Khen thưởng tỉnh trình UBND tỉnh trước 15 tháng 6; hệ thống giáo dục thời gian trình chậm nhất ngày 30 tháng 7 hằng năm Ban Thi Đua - Khen thưởng trình UBND tỉnh trước 15 tháng 11 hằng năm.

**Điều 37. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận**

1. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua và nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

2. Mỗi trường hợp được tặng thưởng chỉ tổ chức trao tặng, đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục, nêu gương tốt nhất. Riêng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, nhân dân và cán bộ các huyện, thành phố; cán bộ lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý nếu được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương thì việc trao tặng do UBND tỉnh tổ chức trao chung (mỗi năm 2 đợt: đợt 1 vào ngày 11- 6 hàng năm; đợt 2 vào hội nghị tổng kết phong trào thi đua của tỉnh); Trường hợp đặc biệt phải xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Các

trường hợp khen thưởng đột xuất do đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng kịp thời theo quy định.

### **Điều 38. Quy định mẫu Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận**

Mẫu Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu Huân chương, Huy chương, Huy hiệu, Kỷ niệm chương; mẫu Bằng, khung, hộp, Cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

### **Điều 39. Thông báo kết quả khen thưởng**

1. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết.

2. Tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền khen thưởng thông báo) cơ quan thẩm định phải thông báo cho đơn vị trình khen biết. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, cơ quan thẩm định thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

### **Điều 40. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng**

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu.

4. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Hồ sơ khen thưởng thường xuyên, khen thưởng chuyên đề, khen thưởng đột xuất thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quyết định được lưu giữ sau 5 năm, kể từ ngày ký quyết định, nếu không có khiếu nại thì được bàn giao cho Chi cục Lưu trữ của tỉnh theo quy định của pháp luật.

## **Chương V QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG**

**Điều 41.** Cá nhân, tập thể được công nhận các danh hiệu thi đua và được tặng các hình thức khen thưởng thì được nhận giấy chứng nhận, khung, bằng, hiện vật, tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo.

**Điều 42.** Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng.

Tập thể được tặng các hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, được sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

**Điều 43.** Đối với các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thì Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có

trách nhiệm tiếp nhận Bằng, hiện vật để tổ chức trao thưởng cho các đối tượng theo quy định.

**Điều 44.** Cá nhân được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh trở lên được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn theo quy định.

**Điều 45.** Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

## **Chương VI**

### **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

**Điều 46.** Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh và của các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm trích tối đa mức 1,5% tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách; từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành tỉnh được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được UBND tỉnh giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được cấp từ nguồn ngân sách tỉnh (Căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức, Sở Tài chính thống nhất tỷ lệ cấp hàng năm) và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do các tổ chức, đơn vị tự quyết định theo khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị theo quy định của Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp Nhà nước và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và từ các nguồn thu hợp pháp khác.

6. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 5 điều này) được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

7. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, HTX vận tải, dịch vụ... được trích từ quỹ không chia của HTX, mức trích do HTX quyết định và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

#### **Điều 47. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng**

Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi các khoản sau:

1. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.
2. Chi in ấn Giấy chứng nhận, Giấy khen, Bằng khen, biểu mẫu hồ sơ khen thưởng; làm khung Giấy khen, khung Bằng khen, thêu Cờ thi đua, làm hiện vật khen thưởng, huy hiệu.
3. Được trích 20% trong tổng quỹ khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua của cấp phát động.

#### **Điều 48. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực thuộc Sở Nội vụ quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của các ngành, đơn vị, địa phương do thủ trưởng đơn vị, địa phương quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

3. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do UBND tỉnh trình khen thưởng được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

4. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích của một đối tượng, nếu đạt các danh hiệu thi đua kèm theo mức tiền thưởng khác nhau, thì chỉ được nhận mức tiền thưởng cao nhất.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, các danh hiệu đó do thời gian để đạt được thành tích khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu.

6. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

#### **Điều 49. Mức tiền thưởng**

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của UBND tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị trong tỉnh và chế độ ưu đãi được thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

2. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng quỹ thi

đua, khen thưởng để thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá hai lần mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Hàng năm, vào dịp tổng kết phong trào thi đua thường xuyên, tổng kết thi đua theo đợt, theo chuyên đề. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Chủ tịch UBND các cấp căn cứ nguồn quỹ thi đua, khen thưởng cùng cấp để quyết định giải thưởng động viên, khuyến khích cho các tập thể dẫn đầu, tập thể đạt giải nhì, ba các phong trào thi đua kèm theo hình thức khen thưởng của Chủ tịch UBND cùng cấp.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 50. Xử lý vi phạm, khiếu nại tố cáo, giải quyết khiếu nại tố cáo**

Các trường hợp vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả do hành vi vi phạm gây ra sẽ bị xử lý theo quy định tại các Điều 80, 81, 82, 83 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

#### **Điều 51. Thủ tục, hồ sơ, hủy bỏ quyết định khen thưởng; tước hoặc phục hồi danh hiệu**

Thực hiện theo quy định tại các Điều 84 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Điều 25, 26 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ.

#### **Điều 52. Tổ chức thực hiện**

1. Ngoài các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được quy định trong quy chế này, các đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, Khen thưởng.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, để trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang